

Số: **7123** /QĐ-UBND

Vũng Tàu, ngày **24** tháng **12** năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 04 hộ gia đình, cá nhân (đợt 2) do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 37/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư 74/2015/TT-BTC ngày 15/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc lập dự toán, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 25/2016/QĐ-UBND ngày 16/8/2016 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 52/2014/QĐ-UBND ngày 31/10/2014 của UBND tỉnh

Căn cứ Quyết định số 2633/QĐ-UBND ngày 28/11/2014, Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh về việc bổ sung nội dung ủy quyền cho UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh được ban hành Quyết định thu hồi đất và Công văn số 2629/STNMT-CCQLĐĐ ngày 13/8/2015 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 23/6/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành quy trình trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 34/2017/QĐ-UBND ngày 08/11/2017 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 25/8/2015 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-UBND ngày 17/10/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (01/01/2020-31/12/2024) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 3759/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 của thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, trong đó có dự án Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định số 07/2020/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định về giá nhà, giá vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;

Căn cứ Kế hoạch số 5909/KH-UBND ngày 07/8/2020 của UBND thành phố về thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện dự án Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất từ số 6904/TB-UBND đến số 7048/TB-UBND ngày 01/9/2020 của UBND thành phố Vũng Tàu đến 138 hộ gia đình cá nhân, đơn vị có đất thu hồi;

Căn cứ Quyết định số 4797/QĐ-UBND ngày 29/9/2020 của UBND thành phố về việc phê duyệt dự toán và chỉ định thầu đơn vị Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt khảo sát, đề xuất giá đất để UBND thành phố trình phương án giá đất cụ thể dự án Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Quyết định 14/2020/QĐ-UBND ngày 16/7/2020 của UBND tỉnh Quy định hệ số điều chỉnh giá đất trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 3520/QĐ-UBND ngày 23/11/2020 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu về việc phê duyệt giá đất cụ thể để bồi thường khi Nhà nước

thu hồi đất thực hiện công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Biên bản họp của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư thành phố Vũng Tàu ngày 28/11/2020 về việc xét duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư cho các hộ gia đình, cá nhân (Đợt 1) thuộc công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Căn cứ Tờ trình số 2411/TTr-HĐBT ngày 15/12/2020 của Hội đồng Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư về việc đề nghị ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và hồ sơ pháp lý của 04 hộ gia đình, cá nhân do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu;

Theo đề nghị của phòng Tài nguyên và Môi trường, thành phố Vũng Tàu tại Tờ trình số ~~5481~~/TTr-TNMT ngày ~~18/~~ 12/2020 ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 04 hộ gia đình, cá nhân (đợt 2) do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho 04 hộ gia đình, cá nhân (đợt 2) do Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu, cụ thể như sau:

- | | |
|---|------------------------|
| 1. Diện tích đất thu hồi | : 420,70m ² |
| a) Diện tích đất không đủ điều kiện tính bồi thường | : 0,00m ² ; |
| b) Diện tích đất tính bồi thường | : 420,70m ² |

Trong đó:

- | | |
|---|------------------------------|
| + Đất ở | : 156,90m ² |
| + Đất nông nghiệp | : 263,80m ² |
| 2. Số hộ gia đình, cá nhân tính bồi thường, hỗ trợ: | 04 hộ; |
| 3. Số hộ tái định cư | : 0 hộ |
| 4. Số hộ giao đất ở mới | : 0 hộ |
| 5. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ | : 5.141.736.350 đồng. |

(Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm năm mươi đồng)

Gồm có:

- | | |
|---|-----------------------|
| a) Bồi thường giá trị quyền sử dụng đất | : 2.817.854.700 đồng; |
| b) Bồi thường hoa màu, cây trái | : 0 đồng; |

c) Bồi thường nhà, vật kiến trúc	:	3.600.000 đồng;
d) Bồi thường khác	:	0 đồng;
đ) Các khoản hỗ trợ, trợ cấp	:	2.219.463.290 đồng;
e) Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB	:	100.818.360 đồng;

Cụ thể

+ Hội đồng BT, HT và TĐC (10%)	:	10.081.836 đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất (65%)	:	65.531.934 đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường (13%)	:	13.106.387 đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)	:	2.016.367 đồng;
+ UBND phường 11 (5%)	:	5.040.918 đồng;
+ Sở Tài chính (1%)	:	1.008.184 đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường (2%)	:	2.016.367 đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	2.016.367 đồng.

(Theo Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đính kèm).

6. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ: Do Chủ đầu tư là Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 tổ chức chi trả tiền cho từng hộ dân, đơn vị có tên trong Bảng tổng hợp phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đính kèm và thanh quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Trong thời hạn không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày UBND thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm phối hợp với UBND phường 11 phổ biến và niêm yết công khai Quyết định tại trụ sở UBND phường 11 và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất bị thu hồi; giao Quyết định đến từng người, đơn vị có đất bị thu hồi, trong đó ghi rõ về mức bồi thường, hỗ trợ, bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có), thời gian, địa điểm chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ; thời gian bố trí nhà hoặc đất tái định cư (nếu có) và thời gian bàn giao đất đã thu hồi.

2. Trường hợp chậm chi trả thì khi thanh toán tiền bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho người có đất thu hồi, ngoài số tiền đã được UBND thành phố Vũng Tàu ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 có trách nhiệm thanh toán thêm một khoản tiền bằng mức tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế tính trên số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định.

Trường hợp các hộ gia đình, cá nhân không nhận tiền bồi thường, hỗ trợ theo thông báo (thư mời) nhận tiền thì Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (chủ đầu tư) không phải trả tiền lãi suất do người sử dụng đất chậm nhận tiền chi trả.

3. Trung tâm phát triển quỹ đất có trách nhiệm quản lý đất đã được giải phóng mặt bằng và thực hiện việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của người có đất bị thu hồi (nếu có) hoặc các giấy tờ có liên quan được quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai (nếu có), chuyển cơ quan chuyên môn lập thủ tục chỉnh lý biến động đất đai theo quy định.

4. Trung tâm Phát triển Quỹ đất, Chi Cục thuế, Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 có trách nhiệm phối hợp thực hiện việc khấu trừ đi khoản tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính vào số tiền được bồi thường để hoàn trả ngân sách nhà nước đối với những trường hợp người sử dụng đất được bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất mà chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Giải quyết khiếu nại:

Người có đất bị thu hồi, tổ chức, cá nhân có liên quan có quyền khiếu nại về việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật về khiếu nại. Trong khi chưa có quyết định giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền thì vẫn phải tiếp tục thực hiện Quyết định thu hồi đất và Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư của UBND thành phố Vũng Tàu và chịu trách nhiệm tháo dỡ, di dời tài sản trên đất, bàn giao mặt bằng bị thu hồi đúng thời gian quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thành phố; các Trưởng phòng: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Quản lý đô thị, Kinh tế; Thanh tra, Chi Cục trưởng Chi Cục thuế, Chủ tịch UBND phường 11, Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất; Giám đốc Ban QLDA đầu tư xây dựng 1; Thủ trưởng các cơ quan, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *hư*

- Như điều 4;
- Sở Tài chính;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- TTr.UBND thành phố Vũng Tàu;
- Kho bạc Nhà nước thành phố;
- Chi cục Quản lý đất đai;
- Lưu : VT, TH.

Ngoc-TNMT (18.12.20)



Hoàng Vũ Thanh

BẢNG TỔNG HỢP PHƯƠNG ÁN BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ (ĐỢT 2)

(Ban hành kèm Quyết định số **7123** /QĐ-UBND ngày **24** tháng **12** năm 2020 của UBND thành phố Vũng Tàu)

Công trình: Đường quy hoạch A4, phường 11, thành phố Vũng Tàu

Số TT	NGƯỜI SỬ DỤNG ĐẤT	ĐỊA CHỈ	DIỆN TÍCH ĐẤT THU HỒI (m ²)	DIỆN TÍCH ĐẤT BỒI THƯỜNG (m ²)	PHÂN LOẠI ĐẤT		CÁC KHOẢN BỒI THƯỜNG				CÁC KHOẢN HỖ TRỢ KHÁC	TỔNG CỘNG	GHI CHÚ
					ĐẤT Ở	NÔNG NGHIỆP	ĐẤT	HOA MÀU	NHÀ, VKT	BỒI THƯỜNG KHÁC			
1	Ông (bà) Lê Viết Hoài - Đoàn Thị Thu Hiền	888/7/3A đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu	78,60	78,60	78,60	0,00	850.137.600	0	0	0	462.429.000	1.312.566.600	
2	Ông (bà) Đỗ Xuân Kịch - Vũ Thị Hòa	888/24/5 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu	78,30	78,30	78,30	0,00	846.892.800	0	0	0	420.645.550	1.267.538.350	
3	Ông (bà) Lê Thị Hà	36F Bắc Sơn, P. 11, thành phố Vũng Tàu	83,70	83,70	0,00	83,70	541.622.700	0	1.800.000	0	312.703.500	856.126.200	
4	Ông (bà) Lý Ngọc Vân - Lê Thị Huyền	888/28 đường 30/4, phường 11, thành phố Vũng Tàu	180,10	180,10	0,00	180,10	579.201.600	0	1.800.000	0	1.023.685.240	1.604.686.840	
TỔNG CỘNG:			420,70	420,70	156,90	263,80	2.817.854.700	0	3.600.000	0	2.219.463.290	5.040.917.990	

* Diện tích đất thu hồi : 420,70 m2.

* Diện tích đất không đủ điều kiện bồi thường, hỗ trợ : 0,00 m2.

* Diện tích đất đủ điều kiện bồi thường 420,70 m2

Trong đó:

+ Đất ở 156,90 m2

+ Đất nông nghiệp 263,80 m2

* Số hộ dân có tài sản bị giải tỏa	:	04	hộ dân
* Số hộ tái định cư	:	0	hộ dân
* Số hộ giao đất ở mới	:	0	hộ dân
* Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các hộ dân	:	5.040.917.990	đồng
* Kinh phí 2% phục vụ BTGPMB	:	100.818.360	đồng
<i>Cụ thể:</i>			
+ Hội đồng BT, HT & TĐC, TP.Vũng Tàu (10%)	:	10.081.836	đồng;
+ Trung tâm phát triển quỹ đất, TP.Vũng Tàu (65%)	:	65.531.934	đồng;
+ Phòng Tài nguyên và Môi trường, TP.Vũng Tàu (13%)	:	13.106.387	đồng;
+ Ban QLDA đầu tư xây dựng 1 (2%)	:	2.016.367	đồng;
+ UBND phường 11, TP.Vũng Tàu (5%)	:	5.040.918	đồng;
+ Sở Tài chính tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (1%)	:	1.008.184	đồng;
+ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (2%)	:	2.016.367	đồng;
+ Chi cục Quản lý Đất đai (2%)	:	2.016.367	đồng.
* Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ	:	5.141.736.350	đồng.

(Bằng chữ: Năm tỷ, một trăm bốn mươi một triệu, bảy trăm ba mươi sáu ngàn, ba trăm năm mươi đồng)

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH



HOÀNG VŨ THÀNH